

Bản án số: 30/2022/KDTM-PT
Ngày: 08 - 6 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 26/2021/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1080/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1953 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H1 (có mặt).

Địa chỉ: Số 45/7 ô 5 khu phố H, thị trấn L, huyện L tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Trần Quốc B - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Công ty C.

Địa chỉ: Số 1598 Đường 30/4, Phường X12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Anh T – Quyền Tổng Giám đốc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Ngọc H2, sinh năm: 1941 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 45/7 ô 5 khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc H2: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: Số 45/7 ô 5 khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Người đại diện theo pháp luật: ông Lại Anh T3 - Cục trưởng.

Địa chỉ: Số 479 đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiểu H5, sinh 1969 - Trưởng phòng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại các lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc H2 và Công ty C (nay là Công ty C) đã mua bán xăng dầu từ năm 1993. Ngày 06/5/1995 vợ chồng ông H2, bà H thành lập Doanh nghiệp tư nhân H1 do bà Nguyễn Thị Ngọc H làm chủ.

Mặc dù vợ chồng ông H2, bà H đã thành lập Doanh nghiệp tư nhân H1, nhưng các chứng từ người đứng tên mua xăng dầu nhớt của trạm xăng dầu H6 thuộc Công ty C vẫn là ông H2, bà H. Quá trình ông H2 mua xăng dầu nhớt của trạm xăng dầu H6 lúc thì trả bằng tiền mặt, lúc thì trả chậm và có lúc thanh toán bằng hình thức đổi hàng, ông H2 mua xăng dầu của trạm xăng dầu H6 đến tháng 12/1996 thì chấm dứt. Còn Doanh nghiệp tư nhân H1 vẫn tiếp tục mua bán xăng dầu cho trạm xăng dầu H6 đến ngày 25/11/1998 thì chấm dứt.

Trước khi giao dịch mua bán hai bên có thỏa thuận: Ông H2, bà H thế chấp cho xí nghiệp xăng dầu L8 (Công ty C) các tài sản, gồm: 1.800m² đất thuộc thửa 724 tại L8, mặt bằng cây xăng 03 trụ bơm, 04 bồn chứa dầu, nhà thu ngân, nhà bảo vệ (biên bản thế chấp ngày 14/9/1995), thời hạn thế chấp 06 tháng. Sau khi thế chấp ông H2, bà H được mua xăng dầu tại cửa hàng H6, được thiếu nợ 10 ngày, số tiền thiếu nợ tương đương 60% giá trị tài sản thế chấp, thời gian thực hiện mua bán là 06 tháng, lãi suất ông H2, bà H phải trả là 3,2%/tháng trên số tiền thiếu nợ.

Việc mua bán có thế chấp và ghi nợ cũng như lãi suất đúng như bên công ty trình bày và đã qua nhiều lần xét xử và bị hủy án thì bà H vẫn không đồng ý còn nợ công ty.

Ngày 04/9/2007, bà H có đơn yêu cầu phản tố, với nội dung: Yêu cầu Tòa

án giải quyết như sau: Bà H không thiếu nợ Công ty C mà ngược lại Công ty C còn nợ Doanh nghiệp tư nhân H1 do bà H làm chủ là 50.266.710 đồng; đồng thời bà H yêu cầu loại ra khỏi báo cáo kiểm toán 49 chứng từ (có danh mục kèm theo) với tổng số tiền là 601.639.800 đồng. Nay bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu này.

Tại các bản khai Công ty cổ phần thương mại và đại lý dầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(Công ty) trình bày:

Công ty và vợ chồng ông H2, bà H đã mua bán xăng dầu thông qua chi nhánh là Trạm xăng dầu H6 thị trấn L8 từ năm 1993. Đến năm 1995, ông H2, bà H thành lập Doanh nghiệp tư nhân H1 (do bà Nguyễn Thị Ngọc H làm chủ doanh nghiệp) chuyên kinh doanh xăng dầu. Do có nhu cầu mua xăng dầu với số lượng lớn nên ông H2, bà H đã thế chấp cho xí nghiệp xăng dầu L8 các tài sản, gồm: 1.800m² đất thuộc thửa 724 tại L8, mặt bằng cây xăng 03 trụ bơm, 04 bồn chứa dầu, nhà thu ngân, nhà bảo vệ được thể hiện tại biên bản thế chấp ngày 14/09/1995, thời hạn thế chấp 06 tháng. Hai bên thỏa thuận sau khi thế chấp ông H2, bà H được mua xăng dầu tại cửa hàng H6, được thiếu nợ 10 ngày, số tiền thiếu nợ tương đương 60% giá trị tài sản thế chấp, thời gian thực hiện mua bán là 06 tháng, lãi suất ông H2, bà H phải trả là 3,2%/tháng trên số tiền thiếu nợ. Hết thời gian 06 tháng kể từ ngày thế chấp, giữa hai bên vẫn tiếp tục mua bán xăng dầu với nhau thì Công ty vẫn giữ giấy tờ thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

Từ năm 1993 đến năm 1997 bà H, ông H2 và sau này là Doanh nghiệp tư nhân H1 đã mua xăng dầu của Công ty nhiều lần và còn thiếu nợ Công ty. Tính đến ngày 30/5/2005 thì ông H2, bà H còn nợ cả gốc và lãi là 843.063.462 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/12/2007 qua đối chiếu công nợ giữa các bên thì Doanh nghiệp H1 còn nợ công ty, nợ gốc là 311.314.320 đồng. Do đó Công ty không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H chủ Doanh nghiệp H1 về việc công ty phải trả lại số tiền 50.266.710 đồng.

Sau khi bản án dân sự sơ thẩm số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007 có hiệu lực pháp luật, các bên không kháng cáo, bản án không bị kháng nghị nên đã được thi hành. Đến ngày 29/9/2010 bản án trên đã bị giám đốc thẩm hủy phần tranh chấp hợp đồng mua bán xăng dầu. Tuy nhiên, ngày 02/6/2014, Công ty C rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Ngọc H2, bà Nguyễn Thị Ngọc H. Nay bà H chủ Doanh nghiệp tư nhân H1 khởi kiện thì Công ty không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H1 đối với Công ty C tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về việc buộc Công ty C phải trả số tiền còn nợ là 50.266.710 đồng cho Doanh nghiệp tư nhân H1 do bà Nguyễn Thị Ngọc H làm chủ.

2. Công ty C có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà

Rịa - Vũng Tàu số tiền là 742.489.086 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi chín ngàn, không trăm tám mươi sáu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, do Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót về tố tụng gây ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Bị đơn Công ty C vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Vụ án chưa giải quyết một cách toàn diện về tranh chấp vì cấp sơ thẩm chưa giải quyết hậu quả của bản án số 05/2007/DS-ST ngày 26/12/2007 sau khi có quyết định giám đốc thẩm là vi phạm tố tụng. Tại thời điểm xét xử vụ án công ty H1 đang là đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cây xăng nhưng Tòa án không đưa Công ty H1 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng dẫn đến việc Cục thi hành án tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thi hành xâm phạm đến quyền lợi của công ty này. Từ thời điểm Cục thi hành án tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có quyết định thi hành án, bán đấu giá tài sản của ông H2 đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, ảnh hưởng đến việc kinh doanh gây nhiều tổn thất kinh tế cho bà H. Mặc dù cấp sơ thẩm có giải quyết hậu quả buộc Công ty thương mại đại lý dầu tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trả lại cho Cục thi hành án dân sự số tiền 742.489.086 đồng, nhưng số tiền này có nguồn gốc từ việc Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đem tài sản quyền sử dụng đất thuộc thửa số 168 tờ bản đồ số 19 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 711987 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 30/6/2004 cho ông Nguyễn Ngọc H2 bán đấu giá để thi hành án là tài sản riêng của ông H2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể là: Doanh nghiệp tư nhân H1; Ông Nguyễn Thành T8 – người mua trúng đấu giá, ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Đầu tư và phát triển Việt Nam vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm, trả hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu giải quyết số nợ là 50.266.710 đồng. Tuy sau này bà có đơn bổ sung yêu cầu cấp sơ thẩm giải

quyết hậu quả của bản án số 05/2007/DS-ST ngày 26/12/2007 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận, do bà H yêu cầu sau khi Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đơn yêu cầu bổ sung này là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H kháng cáo nhưng không có cung cấp được chứng cứ mới, chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Công ty C tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vắng mặt. Xét, sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn không kháng cáo, đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tố tụng thể hiện nội dung vụ kiện như sau:

- Năm 2007, Công ty C khởi kiện vợ chồng bà H. Bị đơn bà H có yêu cầu phản tố (là yêu cầu khởi kiện trong vụ án này); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam có yêu cầu độc lập. Vụ án tranh chấp do Công ty C là nguyên đơn đã được xét xử bằng bản án dân sự sơ thẩm số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007, có nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C và các câu độc lập của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam đối với bị đơn; Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007 không bị đương sự kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật, đã được thi hành vào năm 2008. Đến ngày 29/9/2010 bản án trên đã bị bản án Giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy một phần tranh chấp hợp đồng mua bán xăng dầu giữa Công ty C và vợ chồng bà H, nhưng bản án giám đốc thẩm không giải quyết hậu quả của việc đã thi hành bản án dân sự sơ thẩm số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007. Trong quá trình thụ lý giải quyết lại vụ án tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì ngày 02/6/2014, Công ty C rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Ngọc H2, bà Nguyễn Thị Ngọc H và Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nội dung quyết định đình chỉ giải quyết vụ án cũng không giải quyết hậu quả của việc thi hành dân sự sơ thẩm số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007.

- Vụ án đang được thụ lý giải quyết hiện tại là giải quyết theo yêu cầu phản tố nay là yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H1 đối với bị đơn Công ty C tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có nội dung yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc H2 là vợ chồng và Công ty C (nay là Công ty C) đã mua bán xăng dầu từ năm 1993. Ngày 06/5/1995 vợ chồng ông H2, bà H thành lập Doanh nghiệp tư nhân H1 do bà Nguyễn Thị Ngọc H làm chủ.

Trước khi giao dịch mua bán hai bên có thỏa thuận: Ông H2, bà H thế chấp cho xí nghiệp xăng dầu L8 (Công ty C) các tài sản, gồm: 1.800m² đất thuộc thửa 724 tại L8, mặt bằng cây xăng 03 trụ bơm, 04 bồn chứa dầu, nhà thu ngân, nhà bảo vệ (biên bản thế chấp ngày 14/09/1995), thời hạn thế chấp 06 tháng. Sau khi thế chấp ông H2, bà H được mua xăng dầu tại cửa hàng H6, được thiếu nợ 10 ngày, số tiền thiếu nợ tương đương 60% giá trị tài sản thế chấp, thời gian thực hiện mua bán là 06 tháng, lãi suất ông H2, bà H phải trả là 3,2%/tháng trên số tiền thiếu nợ. Việc mua bán có thế chấp và ghi nợ cũng như lãi suất đúng như bên công ty trình bày và đã qua nhiều lần xét xử và bị hủy án thì bà H vẫn không đồng ý còn nợ công ty. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Bà H không thiếu nợ Công ty C mà ngược lại Công ty C còn nợ Doanh nghiệp tư nhân H1 do bà H làm chủ là 50.266.710 đồng; Đồng thời bà H yêu cầu loại ra khỏi báo cáo kiểm toán 49 chứng từ (có danh mục kèm theo) với tổng số tiền là 601.639.800 đồng.

Công ty cổ phần thương mại và đại lý dầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình bày: Từ năm 1993 đến năm 1997 bà H, ông H2 và sau này là Doanh nghiệp tư nhân H1 đã mua xăng dầu của Công ty nhiều lần và còn thiếu nợ Công ty. Tính đến ngày 30/5/2005 thì ông H2, bà H còn nợ cả gốc và lãi là 843.063.462 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/12/2007 qua đối chiếu công nợ giữa các bên thì Doanh nghiệp H1 còn nợ công ty, nợ gốc là 311.314.320 đồng. Do đó Công ty không chấp nhận yêu cầu của bà H chủ Doanh nghiệp H1 về việc công ty phải trả lại số tiền 50.266.710 đồng.

- Ngày 23/10/2020 bà Nguyễn Thị Ngọc H nộp yêu cầu khởi kiện bổ sung nội dung chính liên quan đến yêu cầu giải quyết hậu quả của việc thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007. Tuy vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không thụ lý đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung vì lý do: Bà H nộp yêu cầu khởi kiện bổ sung sau ngày mở phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận chứng cứ và hòa giải.

[3] Nhận định của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng tàu

[3.1] Nhận định về xét yêu cầu khởi kiện của bà H

- Qua nhiều lần xét xử và đối chiếu công nợ công khai, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/12/2007 thì Công ty C chỉ yêu cầu ông H2, bà H thanh toán số tiền nợ gốc là 311.314.320 đồng và tiền lãi trên số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 728.983.123 đồng. Bà H, ông H2 chỉ thừa nhận số tiền nợ gốc là 311.314.320 đồng nhưng không đồng ý số tiền nợ lãi. Như vậy, quá trình đối chiếu công nợ nhiều lần, qua các kết quả kiểm toán và các hóa đơn chứng từ có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp thì chủ Doanh nghiệp tư nhân H1 do bà H làm chủ và ông H2 là chồng bà H chưa thanh toán hết số tiền nợ mua bán xăng

dầu cho công ty thương mại đại lý dầu, nhưng hiện nay Công ty đã rút đơn khởi kiện nên Tòa án không xem xét.

- Từ năm 2010 đến nay bà H cũng không cung cấp thêm bất cứ tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh. Bà H yêu cầu Công ty C trả số tiền còn nợ cho Doanh nghiệp tư nhân H1 do bà H làm chủ với số tiền là 50.266.710 đồng, nhưng không đưa ra được các tài liệu xác định Công ty C còn nợ Doanh nghiệp tư nhân H1 số tiền 50.266.710 đồng, nên Tòa án không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà H.

[3.2] Nhận định về việc giải quyết thi hành bản án số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có hiệu lực pháp luật.

- Sau khi bản án số 05/2007/DSST có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án là Công ty cổ phần thương mại và đại lý dầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nên cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã bán tài sản thế chấp của vợ chồng bà Hương, gồm: Diện tích đất 1.476,2m² và cơ sở kinh doanh xăng dầu trên đất để trả nợ. Tổng giá trị bán đấu giá tài sản được là 4.583.000.000 đồng. Cơ quan Thi hành án dân sự đã trả nợ cho: Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền bà H vay là 2.680.000.000 đồng và lãi phát sinh; Trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Công ty C, với tổng số tiền là 742.489.086 đồng. Sau khi trả chi phí các khoản thì số tiền còn dư là 618.215.594 đồng, Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang giữ giữ tại ngân hàng do bà H có đơn đề nghị xem xét giám đốc thẩm bản án số 05/2007/DSST.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 673/GĐT ngày 29/9/2010, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định hủy một phần bản án số 05/2007/DSST về nội dung: Tranh chấp trong thanh toán phần mua bán xăng dầu giữa Công ty với vợ chồng ông H2 bà H. Như vậy phần quyết định của bản án số 05/2007/DSST tuyên xử: *“Buộc bà H, ông H2 trả cho công ty 654.939.086 đồng và lãi chậm trả. Không chấp nhận phần tố của bà H, buộc Công ty phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân do bà H làm chủ số tiền là 50.266.710 đồng”* không có hiệu lực pháp luật (Các phần quyết định khác của bản án có hiệu lực). Do đó Công ty C đã nhận tổng số tiền là 742.489.086 đồng từ Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Căn cứ khoản 4 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự).

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H1 về việc buộc Công ty C trả số tiền còn nợ là 50.266.710 đồng cho Doanh nghiệp tư nhân H1 do bà H làm chủ; Công ty C phải hoàn trả lại cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu số tiền là 742.489.086 đồng.

[4] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các sự kiện tố tụng diễn ra khi thụ lý giải quyết vụ án hiện tại do bà H là nguyên đơn và bị đơn là Công ty C tỉnh Bà Rịa-

Vũng Tàu là không sai. Tuy vậy, việc nhận định và giải quyết hậu quả của việc thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007 là không đúng và không giải quyết triệt để các hậu quả của việc thi hành bản án. Mặt khác, nội dung mà bà H đã có yêu cầu khởi kiện bổ sung không được Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết chính nội dung về tranh chấp phát sinh do hậu quả của việc thi hành bản án để lại. Vì vậy cho dù đương sự không nộp yêu cầu khởi kiện bổ sung (mà chỉ cần trình bày) thì trong quá trình giải quyết Tòa án vẫn phải nhận định và phán xét các nội dung liên quan đến hậu quả của việc thi hành bản án, đã bị cấp giám đốc thẩm hủy.

Giải quyết hậu quả việc thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007 là phải khôi phục lại phần thi hành bản án đã thi hành cho người có nghĩa vụ phải thi hành. Tuy vậy, Tòa sơ thẩm thì lại tuyên buộc Công ty C tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải hoàn trả lại cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu số tiền là 742.489.086 là không đúng với nội dung giải quyết hậu quả. Mặt khác, việc thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007 là đã phát mãi tài sản của người có nghĩa vụ thi hành để thi hành cho hai phần quyết định của bản án cả phần án bị hủy và phần không bị hủy. Do vậy khi giải quyết hậu quả của việc thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007 thì tất cả các người phải thi hành án và người được thi hành án phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thiếu người tham gia tố tụng dẫn đến giải quyết chưa đúng chưa triệt để hậu quả của việc thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2007/DSST ngày 26/12/2007.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót khi chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ, xác định thiếu người tham gia tố tụng mà tại Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được, gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

1/Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H; Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST

ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2/Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H không phải chịu. Hoàn trả số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0008268 ngày 08/02/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (2);
- Lưu (10) 18b (Án BDA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên